

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2020
V/v Tranh chấp hôn nhân gia
đình về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thán.
2. Ông Đoàn Thế Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Ánh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 22, ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Trọng N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 22, ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Ánh T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Trọng N không có đăng ký kết hôn, nhưng có tình hiểu, tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ cuối năm 2004. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ly thân từ tháng năm 2016 cho đến nay. Hiện tại, chị và anh N không còn tình cảm, không thể hàn gắn được. Do chị và anh N không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Phạm Thị Hoài N1, sinh ngày 21-8-2005. Hiện tại cháu N1 đang sống chung với anh N và ông bà nội, nên chị giao cháu N1 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Trọng N trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian sống chung, anh và chị T không có đăng ký kết hôn. Hiện tại, anh và chị T không còn sống chung. Do anh còn thương chị T nên anh xin đoàn tụ, không đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có 01 con chung: Phạm Thị Hoài N1, sinh ngày 21-8-2005. Hiện tại cháu N1 đang sống chung với anh và ông bà nội. Nếu Tòa không công nhận anh và chị T là vợ chồng thì anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, không công nhận chị T và anh N là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hoài N1 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Anh T khởi kiện yêu cầu không nhận quan hệ vợ chồng với anh Phạm Văn Trọng

N, địa chỉ: ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị T, anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T chung sống với nhau từ năm 2004, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, mặc dù chị T và anh N đã có thời gian dài chung sống và đã có 01 con chung nhưng căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì xác định chị Phạm Ánh T và anh Phạm Văn Trọng N không phải là vợ chồng, nên Tòa án không xem xét, giải quyết yêu cầu được đoàn tụ của anh N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh N.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh N cùng xác nhận có 01 người con chung là Phạm Thị Hoài N1, sinh ngày 21-8-2005. Hiện tại cháu N1 đang sống chung với anh N và ông bà nội. Chị T, anh N đều thống nhất giao cháu N1 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 là muốn được sống chung với anh N (biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2020). Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu N1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Chị Phạm Ánh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Phạm Ánh T và anh Phạm Văn Trọng N là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Thị Hoài N1, sinh ngày 21-8-2005 cho anh Phạm Văn Trọng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nhỏ đủ 18 tuổi.

Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Ánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000218 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận chị T đã nộp xong).

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thanh Phước, h. Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA